

Số: /STP-CTVB

Bắc Ninh, ngày tháng 12 năm 2025

V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ kiểm tra,
rà soát văn bản và công tác pháp chế
theo Kế hoạch số 171/KH-UBND

Kính gửi:

- Các cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh;
- UBND các xã, phường.

Để kịp thời triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 171/KH-UBND¹, Sở Tư pháp hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát văn bản và công tác pháp chế theo Kế hoạch số 171/KH-UBND như sau:

1. Về công tác tự kiểm tra

- Chủ thể thực hiện tự kiểm tra:

+ Cấp tỉnh: Các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh thực hiện tự kiểm tra văn bản QPPL thuộc ngành, lĩnh vực tham mưu ban hành.

+ Cấp xã: UBND cấp xã thực hiện tự kiểm tra văn bản QPPL.

- Xác định văn bản thuộc đối tượng được kiểm tra (Điều 4 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 2 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP):

+ Cấp tỉnh: Văn bản QPPL do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành.

+ Cấp xã: Văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp xã ban hành.

- Nội dung tự kiểm tra (Điều 5 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP) bao gồm:

+ Thẩm quyền ban hành văn bản.

+ Nội dung, hình thức của văn bản.

+ Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản.

+ Căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày.

+ Tuân thủ quy định của pháp luật về xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước trong văn bản có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

- Các cơ quan, đơn vị thực hiện quy trình tự kiểm tra văn bản QPPL như sau:

+ *Bước 1: Tiếp nhận văn bản QPPL*

Các cơ quan, đơn vị tiếp nhận văn bản QPPL ngay sau khi văn bản được ban hành.

Hồ sơ: Văn bản QPPL tự kiểm tra.

Thời gian thực hiện: Ngay sau khi văn bản QPPL được ban hành.

+ *Bước 2: Tổ chức kiểm tra văn bản QPPL*

¹ Ngày 19/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiểm tra, rà soát văn bản và công tác pháp chế năm 2026.

Các cơ quan, đơn vị thực hiện đối chiếu từng nội dung của văn bản QPPL với các văn bản QPPL có hiệu lực pháp lý cao hơn; đánh giá về thẩm quyền ban hành, nội dung, hình thức của văn bản, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản, căn cứ ban hành, thể thức kỹ thuật trình bày văn bản, tuân thủ quy định của pháp luật về xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước trong văn bản có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước; từ đó, xác định tính phù hợp, tính khả thi của văn bản. Tổ chức họp trao đổi, thảo luận hoặc lấy ý kiến Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan về văn bản được kiểm tra (nếu cần thiết).

Hồ sơ: Văn bản QPPL tự kiểm tra; các văn bản QPPL có hiệu lực pháp lý cao hơn để đối chiếu. Nội dung đối chiếu với các văn bản QPPL có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Thời gian thực hiện: Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày văn bản được ký ban hành đối với văn bản QPPL được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục thông thường; 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ký ban hành đối với văn bản QPPL được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn

+ *Bước 3: Xây dựng Báo cáo kết quả tự kiểm tra văn bản QPPL*

Hồ sơ: Báo cáo kết quả tự kiểm tra văn bản QPPL (theo Mẫu 01 gửi kèm theo Công văn này) gửi UBND, Chủ tịch UBND tỉnh, đồng gửi Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

Thời gian thực hiện: Trong vòng 5 ngày kể từ ngày hoàn thành bước 2.

+ *Bước 4: Xử lý văn bản trái pháp luật*

Các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu cơ quan có thẩm quyền tổ chức xử lý văn bản thuộc đối tượng xử lý (Điều 7 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP).

Hồ sơ: (Điều 23 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP) Nghị quyết hoặc quyết định hành chính để bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành trong trường hợp toàn bộ hoặc một phần nội dung văn bản trái pháp luật. Văn bản đính chính văn bản có sai sót về căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản.

Thời gian thực hiện: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả tự kiểm tra.

2. Về công tác rà soát văn bản QPPL

2.1. Rà soát thường xuyên

Xác định văn bản thuộc đối tượng rà soát (Điều 33 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP) gồm các văn bản QPPL do HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành còn hiệu lực thi hành tại thời điểm rà soát.

- Căn cứ rà soát (Điều 37 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 11 Điều 2 Nghị định 187/2025/NĐ-CP) bao gồm:

+ Văn bản là căn cứ để rà soát là văn bản được ban hành sau, có quy định liên quan đến văn bản được rà soát (bao gồm: Văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn văn bản được rà soát; văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản được rà soát; Văn bản hành chính của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành để bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp thay đổi về thẩm quyền do việc sắp xếp, tổ chức bộ máy hoặc trường hợp không còn đối tượng áp dụng quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP...).

+ Tình hình phát triển kinh tế - xã hội là căn cứ để rà soát được xác định trên cơ sở chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; kết quả điều tra, khảo sát và thông tin thực tiễn liên quan đến đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản được rà soát.

- Nội dung rà soát (Điều 41 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP) bao gồm:

+ Nội dung rà soát theo căn cứ là văn bản: (hiệu lực của văn bản; nội dung của văn bản; thẩm quyền ban hành văn bản).

+ Nội dung rà soát theo căn cứ là tình hình phát triển kinh tế - xã hội: (nội dung của văn bản; quan hệ xã hội mới cần được điều chỉnh bằng văn bản quy phạm pháp luật; thẩm quyền ban hành văn bản).

2.2. Rà soát chuyên đề, lĩnh vực

2.2.1. Chuyên đề, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

- Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế HĐND tỉnh, các cơ quan có liên quan thực hiện thu thập, lập Danh mục văn bản QPPL do HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành còn hiệu lực thi hành tại thời điểm rà soát thuộc chuyên đề, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Hồ sơ: Danh mục văn bản QPPL do HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành thuộc chuyên đề, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Thời gian thực hiện: Gửi Sở Tư pháp trước ngày 01/02/2026.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế HĐND tỉnh, các cơ quan có liên quan tiến hành rà soát văn bản QPPL theo Danh mục đã lập. Trên cơ sở rà soát, tiến hành xây dựng Báo cáo kết quả rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành có nội dung thuộc chuyên đề, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Hồ sơ: Báo cáo kết quả rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành thuộc chuyên đề, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (*theo Mẫu 02 gửi kèm theo Công văn này*).

Thời gian thực hiện: Gửi Sở Tư pháp trước ngày 15/3/2026.

2.2.2. Chuyên đề, lĩnh vực khoa học và công nghệ

- Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế HĐND tỉnh, các cơ quan có liên quan thực hiện thu thập, lập Danh mục văn bản

QPPL do HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành còn hiệu lực thi hành tại thời điểm rà soát thuộc chuyên đề, lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Hồ sơ: Danh mục văn bản QPPL do HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành thuộc chuyên đề, lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Thời gian thực hiện: Gửi Sở Tư pháp trước ngày 01/3/2026.

- Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế HĐND tỉnh, các cơ quan có liên quan tiến hành rà soát văn bản QPPL theo Danh mục đã lập. Trên cơ sở rà soát, tiến hành xây dựng Báo cáo kết quả rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành có nội dung thuộc chuyên đề, lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Hồ sơ: Báo cáo kết quả rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành thuộc chuyên đề, lĩnh vực khoa học và công nghệ (*theo Mẫu 02 gửi kèm theo Công văn này*).

Thời gian thực hiện: Gửi Sở Tư pháp trước ngày 15/5/2026.

2.2.3. Chuyên đề, lĩnh vực tài chính

- Sở Tài chính thực hiện chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế HĐND tỉnh, các cơ quan có liên quan thực hiện thu thập, lập Danh mục văn bản QPPL do HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành còn hiệu lực thi hành tại thời điểm rà soát thuộc chuyên đề, lĩnh vực tài chính.

Hồ sơ: Danh mục văn bản QPPL do HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành thuộc chuyên đề, lĩnh vực tài chính.

Thời gian thực hiện: Gửi Sở Tư pháp trước ngày 01/6/2026.

- Sở Tài chính thực hiện chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế HĐND tỉnh, các cơ quan có liên quan tiến hành rà soát văn bản QPPL theo Danh mục đã lập. Trên cơ sở rà soát, tiến hành xây dựng Báo cáo kết quả rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành có nội dung thuộc chuyên đề, lĩnh vực tài chính.

Hồ sơ: Báo cáo kết quả rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành thuộc chuyên đề, lĩnh vực khoa học và công nghệ (*theo Mẫu 02 gửi kèm theo Công văn này*).

Thời gian thực hiện: Gửi Sở Tư pháp trước ngày 15/7/2026.

2.2.4. Chuyên đề, lĩnh vực thanh tra, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế HĐND tỉnh, các cơ quan có liên quan thực hiện rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành thuộc chuyên đề, lĩnh vực thanh tra, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Hồ sơ: Báo cáo kết quả rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành thuộc chuyên đề, lĩnh vực thanh tra, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (*theo Mẫu 02 gửi kèm theo Công văn này*).

Thời gian thực hiện: Gửi Sở Tư pháp trước ngày 15/6/2026.

3. Về công tác pháp chế

- Trên cơ sở tổng số biên chế cán bộ, công chức, viên chức được giao, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm bố trí, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác pháp chế chuyên trách hoặc kiêm nhiệm phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị và quy định của pháp luật. Việc bố trí cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên làm công tác pháp chế phải đảm bảo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 12 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 1 Nghị định 56/2024/NĐ-CP. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có biến động, thay đổi người làm công tác pháp chế, các cơ quan, đơn vị phải kịp thời thông báo về Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- Bố trí kinh phí để hỗ trợ cho người làm công tác pháp chế theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP.

- Các cơ quan, đơn vị thực đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ quy định tại Điều 6 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP² được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định 56/2024/NĐ-CP³; khoản 6 Điều 1 Nghị định 56/2024/NĐ-CP.

- Tăng cường vai trò của công chức, viên chức làm công tác pháp chế trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL.

4. Về xây dựng Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản và công tác pháp chế năm 2026

Căn cứ quy định của pháp luật; chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương; nhiệm vụ tại Kế hoạch số 171/KH-UBND và hướng dẫn tại Công văn này, các cơ quan, đơn vị, địa phương ***xây dựng và ban hành Kế hoạch xong trước ngày 15/01/2026*** theo đúng thời hạn được giao tại mục 1 phần III Kế hoạch số 171/KH-UBND và gửi UBND tỉnh, Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

Quá trình tổ chức thực hiện cần trao đổi thông tin liên hệ với đồng chí Thân Thị Ngọc Bích, chuyên viên Phòng Công tác văn bản, điện thoại 0982105682.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm thực hiện.

(Gửi kèm theo Kế hoạch số 171/KH-UBND)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CTVB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Thị Việt Hà

² Ngày 04/7/2011 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.

³ Ngày 18/5/2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.